TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 55/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 96/2026/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

HKTT/ chỗ ở: thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên.

Và bà Đinh Thị B, sinh năm 1982

HKTT: thôn Hạ, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên

Chỗ ở: thôn Thượng, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Con chung của ông T, bà B):***

Nguyễn Quang P, sinh ngày 29/5/2013

HKTT/ chỗ ở: thôn H, xã P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu P là bố đẻ cháu ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị B kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là xã P, tỉnh Hưng Yên) ngày 17/12/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và trầm trọng khoảng 03 năm nay. Nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau khiến cho cuộc sống chung luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Từ tháng 7/2024 cho đến nay vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không muốn đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà B đã trầm trọng, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ ông bà chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của ông bà có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông T và bà B.

[2] Về con chung: Ông T và bà B cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 21/9/2005 và Nguyễn Quang P, sinh ngày 29/5/2013. Hiện nay anh V đã thành niên, mạnh khỏe, có khả năng tự lập được cuộc sống và đang đi nghĩa vụ quân sự nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Quang P chưa thành niên, ông T và bà B thỏa thuận thống nhất giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T, bà B thỏa thuận thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn bà B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của ông T, bà B là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Ông T và bà B cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông T và bà B thỏa thuận thống nhất để ông T nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của ông bà.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 13/4/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị B đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T và bà B cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 21/9/2005 và Nguyễn Quang P, sinh ngày 29/5/2013. Hiện nay anh V đã thành niên, mạnh khỏe, có khả năng tự lập được cuộc sống và đang đi nghĩa vụ quân sự nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Quang P chưa thành niên, ông T và bà B thỏa thuận thống nhất giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T, bà B thỏa thuận thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau ly hôn bà B được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp: Ông T và bà B cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông T và bà B thỏa thuận thống nhất: Ông T nộp 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông đã nộp theo biên lai thu số 0001736 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Ông T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND khu vực 4-Hưng Yên;
-Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
-UBND xã Phụng Công (ĐKKH số 42, ngày 17/12/2004 tại UBND xã Cửu Cao cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ THOA